

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **167/2018/DS-ST**

Ngày: 18-10-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh
2. Ông Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 607/2017/TLST-DS ngày 25-10-2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2018/QĐXXST-DS ngày 24-8-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 301/2018/QĐST-DS ngày 21-9-2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X (Tên công ty viết tắt X)

Trụ sở chính: 89 Láng Hạ, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm: 1968 – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Ông Ngô Chí D ủy quyền cho ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP X kiêm Phó Giám đốc Pháp chế và kiểm soát tuân thủ.

(Theo văn bản ủy quyền số 04/2017/UQ-HĐQT ngày 18/01/2017 của Ngân hàng TMCP X).

Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho:

Anh Hà Xuân D, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tầng 3, 296 đường P, Phường T, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoặc:

Chị Tô Thị Hồng M, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Tầng 3, 296 đường P, Phường T, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền số 21247/2018/UQ-VPB lập ngày 10/9/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần X). (Chị M có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm: 1990

Địa chỉ: D9/33 ấp 4, xã B, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18-8-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm - Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X có người đại diện theo ủy quyền là chị Tô Thị Hồng M trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần X (tên viết tắt X) đã cấp tín dụng cho anh Nguyễn Hoàng H. Theo đó, anh Nguyễn Hoàng H đã ký hợp đồng với Ngân hàng thương mại cổ phần X là Hợp đồng tín dụng số 2314488, giải ngân ngày 03-12-2014 với số tiền vay là 49.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất trong hạn là 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng, hình thức vay tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận, anh H có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng tiền gốc và tiền lãi vào ngày 03 tây hàng tháng theo lịch trả nợ, kỳ thanh toán đầu tiên là ngày 03-01-2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh H chỉ mới thanh toán cho ngân hàng một lần với số tiền là 2.701.000 đồng, bao gồm nợ gốc 1.484.715 đồng và tiền lãi là 1.216.285 đồng. Từ ngày 07-01-2015 cho đến nay, anh H đã ngưng thanh toán và vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tổng số tiền mà anh Nguyễn Hoàng H nợ tạm tính đến ngày 18-10-2018 là 130.467.867 đồng, bao gồm:

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 2314488 là 47.515.285 đồng;

- Nợ lãi trong hạn và quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 2314488 là 82.952.582 đồng.

Nay chị đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần X yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc anh Nguyễn Hoàng H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc, lãi tạm tính hết ngày 18-10-2018 đối với Hợp đồng tín

dụng số 2314488 là 130.467.867 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Ngoài ra, anh Nguyễn Hoàng H phải thanh toán cho ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 19-10-2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Trường hợp anh Nguyễn Hoàng H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, định giá, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh H để thu hồi nợ vay.

4. Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của bị đơn và bị đơn cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng H. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh thì anh Nguyễn Hoàng H có đăng ký thường trú tại địa chỉ D9/33 ấp 4, xã B, huyện T và hiện anh H còn cư trú, sinh sống tại địa chỉ trên. Như vậy, anh H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho anh H nhưng anh H vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Hoàng H ngay một lần toàn bộ nợ gốc, lãi tạm tính hết ngày 18-10-2018 đối với Hợp đồng tín dụng số 2314488 là 130.467.867 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu anh H phải thanh toán cho ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 19-10-2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[6] Còn bị đơn anh Nguyễn Hoàng H mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng anh H vẫn vắng mặt. Vì vậy, anh H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7] Qua xem xét Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2314488 lập ngày 24-11-2014 (được phê duyệt cho vay ngày 03-12-2014) giữa Ngân hàng thương mại cổ phần X và anh Nguyễn Hoàng H là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Như vậy, căn cứ vào Bảng kế hoạch trả nợ, lịch sử thanh toán và lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 07-01-2015 cho đến nay, hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn nợ gốc còn lại là 47.515.285 đồng và tiền lãi trong hạn và quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 2314488 tạm tính đến ngày 18-10-2018 là 82.952.582 đồng, tổng cộng là 130.467.867 đồng.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100233583 thì Ngân hàng thương mại cổ phần X là tổ chức tín dụng, vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91

Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Do đó, từ những căn cứ đã viện dẫn thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng H, buộc bị đơn anh Nguyễn Hoàng H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X số nợ gốc còn lại là 47.515.285 đồng và tiền lãi trong hạn và quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 2314488 tạm tính đến ngày 18-10-2018 là 82.952.582 đồng, tổng cộng là 130.467.867 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Về yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, định giá, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Hưng để thu hồi nợ vay của nguyên đơn: Do hợp đồng giữa các bên thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ dựa trên tín chấp nên việc nguyên đơn yêu cầu nêu trên sẽ được cơ quan thi hành án có thẩm quyền xem xét theo quy định của pháp luật.

[10] Về nghĩa vụ chậm thi hành án đối với khoản nợ vay của các tổ chức tín dụng được thi hành theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-8-2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐCA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn anh Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.523.393 đồng; nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[12] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-8-2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐCA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Nguyễn Hoàng H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X số nợ gốc và tiền lãi tới hạn tính đến ngày 18-10-2018 là 130.467.867 đồng (một trăm ba mươi triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.523.393 đồng (sáu triệu năm trăm hai mươi ba nghìn ba trăm chín mươi ba đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.592.028 đồng (hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn không trăm hai mươi tám đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0030570 ngày 18-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Hồng Cẩm